

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Lực cầu bắt đáy tại ngưỡng 1,185 đã giúp VN-Index hồi phục trong phiên hôm nay và trở lại kết phiên tại mốc 1,210.28 điểm, tăng hơn 22 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất, Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Thực phẩm và đồ uống. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Phiên hồi phục hôm nay có thanh khoản khiêm tốn, cho thấy tâm lý e dè của thị trường sau một phiên giảm mạnh. Vùng 1,200 – 1,210 đã trở thành vùng kháng cự của VN-Index, sự rung lắc có thể diễn ra tại đây trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/08/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+22.21** điểm, đóng cửa tại **1210.28** điểm. HNX-Index **+3.75** điểm, đóng cửa tại **226.46** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.73)**, **GVR (+1.24)**, **MSN (+0.96)**, **BCM (+0.91)**, **BID (+0.90)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VGC (-0.08)**, **TMS (-0.07)**, **QCG (-0.02)**, **HRC (-0.02)**, **VPI (-0.01)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,810** tỷ đồng, giảm **-34.96%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,323 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.61 điểm. Thị trường có **383** mã tăng, 49 mã tham chiếu, **58** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-724.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VJC (-356.92 tỷ)**, **AGG (-114.79 tỷ)**, **FPT (-113.81 tỷ)**, **MWG (-111.83 tỷ)**, **SSI (-70.28 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **29.16** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.31%**. Các mã diễn biến tích cực: **VNM (+4.76%)**, **HSG (+4.75%)**, **DGC (+4.74%)**.
- BSC50 **+2.64%**. Các mã diễn biến tích cực: **BSI (+6.93%)**, **DXG (+5.74%)**, **HCM (+5.65%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.31%	2.64%	1.87%	1.68%
1 tuần	-5.23%	-7.91%	-4.58%	-4.33%
1 tháng	1.24%	2.11%	1.08%	0.72%
3 tháng	-1.08%	-3.09%	-1.80%	-0.88%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,210.28	226.46	92.22
% 1D	1.87%	1.68%	1.58%
GTGD (tỷ VND)	13,810	1,050	650
%1D	-34.96%	-31.43%	-35.28%
GDNN (tỷ VND)	-724.64	29.16	-52.83

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	203.02	VJC	-356.92
DGC	50.87	AGG	-114.79
MSN	42.57	FPT	-113.81
HVN	39.17	MWG	-111.83
LPB	32.01	SSI	-70.28

Thị trường thế giới

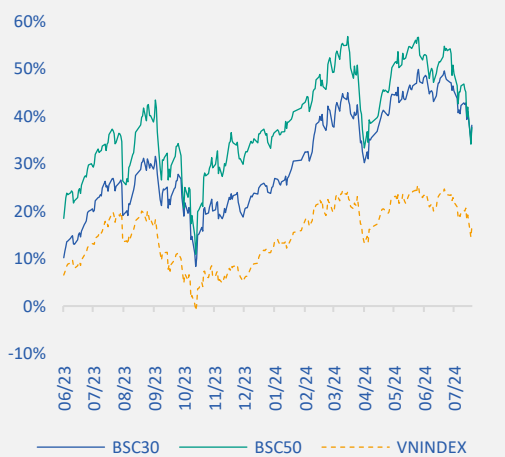
		%D	%W
SPX	5,186	-3.00%	-5.07%
FTSE100	8,005	-0.04%	-3.25%
Eurostoxx	4,562	1.17%	-5.95%
Shanghai	2,867	0.23%	-0.42%
Nikkei	34,260	10.24%	-11.04%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	77.02	-0.31%
Giá vàng	2,445	1.81%
Tỷ giá		
USD/VND	25,320	0.20%
EUR/VND	28,304	0.14%
JPY/VND	172	0.05%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.03%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1251.9	1.36%	473	-65.80%	9/19/2024	44
VN30F2412	1252	1.60%	121	12.0%	12/19/2024	135
VN30F2503	1251.4	1.23%	358	265.31%	3/20/2025	226
VN30F2408	1249.6	1.35%	276124	-24.46%	8/15/2024	9

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +20.70 điểm, đóng cửa tại 1252.81 điểm. Biên độ dao động 24.12 điểm. Các cổ phiếu như VNM, STB, FPT, MSN, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20 cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư sau phiên giảm mạnh hôm qua. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2408, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2334	8/23/2024	17	1,113,200	1.94%	27.00	650	30.0%	0.62	28.95	28.40	28.40
CVIB2304	8/9/2024	3	516,100	5.19%	20.00	470	20.5%	0.21	21.88	20.80	20.80
CVIB2307	8/21/2024	15	571,800	6.73%	21.00	300	20.0%	0.13	22.20	20.80	20.80
CMWG2313	8/9/2024	3	1,326,900	0.67%	50.00	2,120	15.8%	2.05	62.72	62.30	62.30
CMBB2317	8/21/2024	15	1,105,100	2.35%	20.00	790	14.5%	0.69	23.95	23.40	23.40
CMBB2314	8/9/2024	3	60,100	2.56%	20.00	1,000	11.1%	0.85	24.00	23.40	23.40
CVPB2321	8/21/2024	15	1,278,700	5.72%	18.00	200	11.1%	0.10	19.40	18.35	18.35
CMBB2318	9/23/2024	48	575,900	-67.22%	1.76	1,510	9.4%	5.53	7.67	23.40	23.40
CFPT2313	8/9/2024	3	26,400	16.23%	100.00	4,040	9.2%	2.08	140.40	120.80	120.80
CMWG2314	1/9/2025	156	2,136,900	-67.09%	5.20	1,530	8.5%	5.72	20.50	62.30	62.30
CFPT2317	11/21/2024	107	192,600	-57.62%	10.10	2,740	8.3%	7.39	51.20	120.80	120.80
CMWG2316	8/23/2024	17	4,100	0.45%	48.00	2,430	7.0%	2.40	62.58	62.30	62.30
CFPT2314	1/9/2025	156	78,200	-54.06%	10.00	4,550	6.6%	11.10	55.50	120.80	120.80
CHPG2342	11/21/2024	107	182,000	-67.86%	2.18	690	4.5%	2.66	8.45	26.30	26.30
CTCB2310	10/9/2024	64	699,300	-33.29%	3.39	1,480	0.0%	2.44	14.88	22.30	22.30
CVPB2314	8/9/2024	3	70,400	31.01%	24.00	10	0.0%	0.00	24.04	18.35	18.35
CVIC2308	8/9/2024	3	554,600	21.31%	50.00	10	0.0%	0.00	50.10	41.30	41.30
CSTB2327	8/9/2024	3	9,400	12.89%	32.00	10	0.0%	0.00	32.06	28.40	28.40
CTCB2309	9/25/2024	50	169,600	-34.94%	3.39	3,820	-0.8%	6.51	14.51	22.30	22.30
CACB2307	8/21/2024	15	64,100	20.94%	25.00	570	-5.0%	0.02	28.42	23.50	23.50

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 06/08/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

• CVNM2314 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 58.33%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.63%.

• CVPB2314, CVIC2308, CACB2307, CFPT2313, và CSTB2327 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CVNM2404, CVNM2315, CVNM2403, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	72.70	4.76%	1.73	2.09
GVR	31.35	4.15%	1.24	4.00
MSN	73.20	3.83%	0.96	1.44
BCM	71.00	5.19%	0.91	1.04
BID	46.75	1.41%	0.90	5.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	62.80	8.84%	0.78	0.20
IDC	59.00	3.87%	0.53	0.33
MBS	29.40	4.63%	0.42	0.44
SHS	14.60	3.55%	0.30	0.81
CEO	14.00	4.48%	0.23	0.51

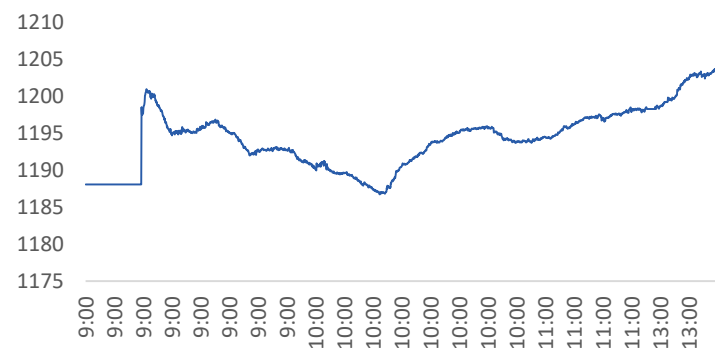
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSI	46.30	6.93%	0.17	1.51
ACC	13.25	6.85%	0.02	0.02
HNG	3.90	6.85%	0.07	3.14
DLG	1.73	6.79%	0.01	1.43
TCH	17.40	6.75%	0.19	12.98

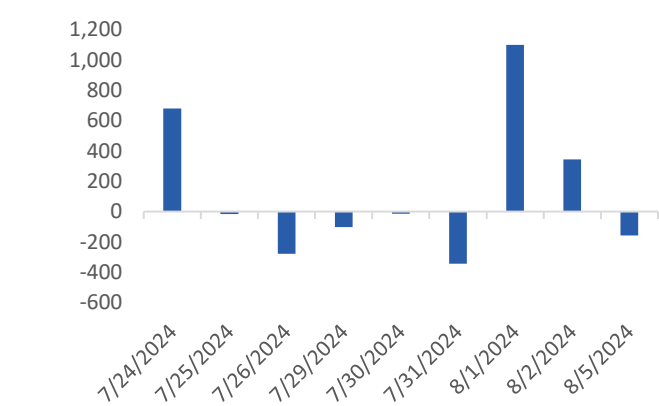
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TFC	8.90	9.88%	0.01	0.00
TPH	27.00	9.76%	0.16	0.05
CTP	11.30	9.71%	0.01	0.00
VCM	9.30	9.41%	0.04	0.44
KSV	15.90	8.90%	0.02	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VGC	39.90	-1.97%	-0.08	0.45
TMS	49.05	-3.82%	-0.07	0.16
QCG	5.87	-4.71%	-0.02	0.28
HRC	40.10	-5.20%	-0.02	0.03
VPI	56.00	-0.36%	-0.01	0.29

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHT	64.10	-5.04%	-0.19	0.08
DTK	13.00	-2.26%	-0.14	0.68
VFS	13.40	-3.60%	-0.04	0.12
SJE	25.40	-8.30%	-0.04	0.02
PHN	70.00	-7.77%	-0.03	0.01

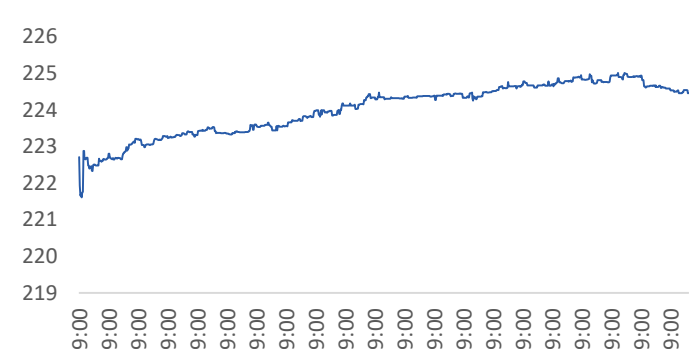
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TMT	5.82	-6.88%	0.00	0.00
HU1	6.20	-5.49%	0.00	0.01
TNC	36.50	-5.44%	-0.01	0.00
HRC	40.10	-5.20%	-0.02	0.00
QCG	5.87	-4.71%	-0.02	1.94

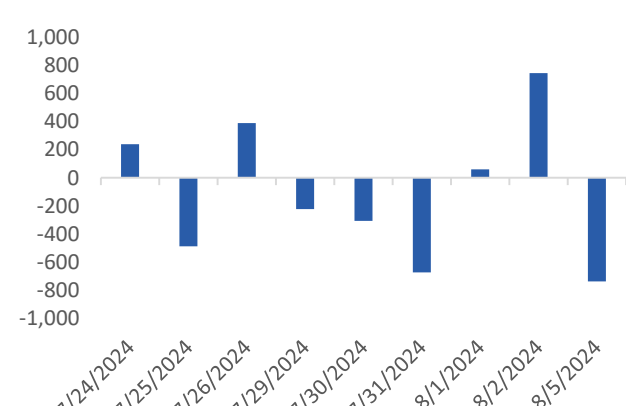
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ARM	25.80	-9.79%	-0.03	0.00
KHS	12.10	-9.70%	-0.05	0.00
ATS	18.90	-9.57%	-0.02	0.01
CET	5.70	-9.52%	-0.01	0.03
SMN	11.50	-9.45%	-0.02	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	87.3	0.50%	0.6	19,358	5.7	5,962	14.6	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	1.40%	1.1	10,573	3.3	4,006	11.7	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	1.10%	1.0	5,776	9.6	1,460	12.6	-	26.4%	Link
TCB	Ngân hàng	22.3	0.00%	1.1	6,233	15.6	3,047	7.3	-	21.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	2.00%	1.0	4,926	15.7	4,018	5.8	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.4	4.40%	1.1	2,124	10.1	4,340	6.5	-	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	30.6	1.30%	1.3	6,509	5.9	3,782	8.1	-	296.2%	Link
ACB	Ngân hàng	23.5	1.30%	0.8	4,164	7.5	3,676	6.4	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	30.6	3.40%	1.2	1,832	20.8	1,882	16.3		42.0%	Link
IDC	Xây dựng	59.0	3.90%	1.2	772	3.3	5,573	10.6	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	26.3	1.30%	1.2	6,674	20.6	1,746	15.1	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	21.0	4.80%	1.7	512	8.2	1,844	11.4	25,300	18.5%	Link
VHM	BĐS	34.8	0.90%	1.0	6,012	8.1	5,326	6.5	108,300	15.1%	Link
KDH	BĐS	35.3	2.30%	1.4	1,274	2.0	765	46.1	44,500	34.6%	Link
NLG	BĐS	39.2	3.70%	1.3	598	2.4	1,102	35.6	-	49.9%	Link
DGC	Hóa chất	106.0	4.70%	1.5	1,597	10.3	7,849	13.5	115,000	18.2%	Link
DCM	Phân bón	35.5	2.90%	1.3	746	4.5	2,798	12.7	38,700	7.5%	Link
GAS	Dầu khí	77.3	1.00%	0.6	7,044	2.7	4,760	16.2	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	1.60%	1.1	728	3.8	1,931	19.9	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	26.4	1.50%	1.3	581	4.7	1,150	22.9	38,400	15.8%	Link
POW	Dầu khí	13.8	3.40%	0.7	1,278	5.5	467	29.4	17,100	4.2%	Link
VHC	Thủy sản	68.5	2.20%	1.2	610	0.9	3,216	21.3	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	77.0	1.90%	0.9	948	2.4	3,966	19.4	90,400	48.4%	Link
VNM	Bán lẻ	72.7	4.80%	0.6	6,028	38.9	4,633	15.7	93,100	50.9%	Link
MSN	Bán lẻ	73.2	3.80%	1.2	4,394	15.3	466	157.0	110,000	25.8%	Link
MWG	Bán lẻ	62.3	1.10%	1.4	3,614	15.9	1,507	41.3	-	46.7%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.6	0.40%	0.9	1,269	2.4	6,133	15.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	56.0	3.10%	1.7	371	4.2	2,237	25.0	66,600	24.7%	Link
FPT	Bán lẻ	120.8	1.90%	1.0	7,000	32.2	4,889	24.7	107,900	45.3%	Link
CTR	Hạ tầng	119.3	3.20%	1.4	541	2.9	4,590	26.0	-	9.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.8	1.40%	0.9	2,872	6.3	4,137	6.0	1.5	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	20.8	2.70%	1.1	2,094	2.2	3,048	6.8	1.4	5.0%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.4	3.30%	1.2	1,516	6.8	2,154	8.1	1.1	28.6%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.0	2.90%	1.1	1,111	2.4	2,366	5.9	0.8	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.4	1.70%	1.0	1,271	1.2	1,273	14.5	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	24.3	5.70%	1.7	679	6.6	1,397	17.4	1.6	45.3%	8.3%
VCI	Chứng khoán	43.0	5.40%	1.7	754	7.8	1,763	24.4	2.1	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	14.8	3.90%	1.5	891	5.0	1,591	9.3	1.3	9.8%	13.1%
BSI	Chứng khoán	46.3	6.90%	1.8	410	2.8	2,165	21.4	1.9	30.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	14.6	3.50%	1.7	471	6.4	1,338	10.9	1.1	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	60.1	1.30%	1.3	238	2.3	2,996	20.1	0.7	46.9%	2.3%
HHV	Xây dựng	10.1	1.00%	1.5	173	1.1	860	11.7	0.5	7.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.0	2.40%	1.6	76	0.8	771	12.9	0.7	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	35.0	2.20%	1.2	250	1.5	1,549	22.6	2.1	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	71.0	3.50%	1.4	589	0.5	5,925	12.0	3.3	1.9%	26.9%
PHR	BĐS KCN	55.2	2.80%	1.1	297	0.5	3,028	18.2	2.0	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	22.8	1.10%	1.7	552	8.7	152	150.3	1.8	4.0%	2.1%
CEO	BĐS	14.0	4.50%	1.3	300	3.2	313	44.7	1.2	4.5%	2.4%
KBC	BĐS KCN	24.6	1.00%	1.5	749	2.1	295	83.5	1.0	20.6%	11.7%
VGC	BĐS KCN	39.9	-2.00%	1.2	710	2.3	1,776	22.5	2.2	5.2%	12.5%
GVR	BĐS KCN	31.4	4.20%	1.6	4,975	3.8	704	44.5	2.5	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	20.8	2.20%	1.7	217	2.9	1,580	13.1	0.9	14.5%	2.3%
BMP	Vật liệu	93.0	2.20%	1.1	302	0.4	11,420	8.1	2.9	82.6%	39.1%
IJC	Hạ tầng	13.9	4.10%	1.5	208	1.4	683	20.3	1.1	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	12.9	5.70%	1.5	369	3.6	249	51.8	0.9	15.5%	1.1%
VRE	Bất động sản	17.0	1.20%	1.2	1,533	8.1	1,975	8.6	1.0	22.4%	12.4%
PDR	Bất động sản	17.5	2.90%	1.6	606	7.6	557	31.4	1.4	7.3%	7.2%
DIG	Bất động sản	22.8	1.10%	1.7	552	8.7	152	150.3	1.8	4.0%	2.1%
HUT	Xây dựng	16.5	0.60%	1.2	584	1.5	64	257.3	1.5	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	8.9	3.50%	1.3	-	0.2	507	17.6	0.8	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	36.2	2.10%	1.8	159	1.4	3,412	10.6	1.1	0.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	36.6	-1.70%	1.2	117	0.9	3,067	11.9	1.6	39.5%	17.2%
DRC	Cao su	32.3	1.40%	0.8	152	0.5	2,510	12.9	2.1	11.8%	13.2%
PC1	Điện	27.5	3.60%	1.4	339	3.6	892	30.8	1.6	13.5%	4.1%
HDG	BĐS	26.0	1.60%	1.4	346	5.4	1,989	13.0	1.4	15.8%	12.9%
GEX	Điện	20.8	2.70%	1.7	704	4.0	1,245	16.7	1.3	8.5%	4.1%
QTP	Điện	14.4	0.70%	0.6	-	0.3	1,354	10.6	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	47.0	3.30%	1.0	2,369	4.0	2,874	16.4	2.4	18.1%	10.7%
BSR	O&G	22.2	2.30%	1.2	-	4.8	2,403	9.2	1.2	0.0%	15.6%
PLC	O&G	24.9	3.80%	1.5	80	0.2	728	34.2	1.6	0.5%	8.4%
ANV	Thủy sản	30.8	2.30%	1.5	163	1.4	262	117.6	1.4	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	62.1	3.80%	0.7	165	0.3	4,903	12.7	1.5	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	18.2	1.10%	1.5	192	2.2	532	34.1	1.7	2.7%	6.2%
HAH	Logistics	38.9	2.90%	1.3	187	4.3	2,791	13.9	1.7	8.0%	12.1%
VTP	Logistics	71.7	3.20%	1.6	346	1.9	2,980	24.1	5.4	7.1%	25.6%
DBC	Logistics	27.9	3.30%	1.7	357	8.7	979	28.5	1.4	9.2%	0.5%
FRT	Bán lẻ	166.9	2.70%	0.8	902	5.8	(414)	-402.8	13.2	36.7%	11.8%
QNS	Bán lẻ	47.8	1.90%	0.6	-	0.3	6,676	7.2	1.9	14.2%	27.3%
TNG	Dệt may	24.8	3.30%	1.2	121	3.1	2,240	11.1	1.6	18.4%	12.5%
PVT	O&G	27.4	3.40%	1.1	387	2.8	2,802	9.8	1.4	13.3%	14.3%
DPM	Phân bón	33.6	2.90%	1.3	522	2.9	1,703	19.8	1.1	7.8%	4.2%
REE	Tiện ích	66.7	2.00%	1.0	1,246	1.7	3,806	17.5	1.8	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639